

CÔNG TY CỔ PHẦN LỆ NINH

Tổ dân phố 2C, thị trấn Lệ Ninh, huyện Lệ Thủy, tỉnh Quảng Bình

BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Hội đồng Quản trị Công ty Cổ phần Lệ Ninh (sau đây gọi tắt là “Công ty”) đệ trình báo cáo này cùng với Báo cáo tài chính của Công ty đã được kiểm toán cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2019.

TỔNG QUAN VỀ CÔNG TY

Công ty Cổ phần Lệ Ninh tiền thân là công ty TNHH do Nhà nước sở hữu 100% vốn được chuyển đổi thành công ty cổ phần theo Quyết định 3778/QĐ-UBND ngày 28/12/2015 của Ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Bình. Công ty chính thức hoạt động dưới hình thức công ty cổ phần theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp thay đổi lần 9 số 3100114609 ngày 01/10/2017 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Quảng Bình cấp, đăng ký thay đổi lần thứ 10 ngày 5/6/2019.

Trụ sở chính: Tổ dân phố 2C, thị trấn Lệ Ninh, huyện Lệ Thủy, tỉnh Quảng Bình.

Các đơn vị hạch toán phụ thuộc:

- Nhà máy chế biến phân bón;
- Nhà máy chế biến Dăm gỗ.

Lĩnh vực và ngành nghề kinh doanh chính

- Trồng cây cao su (Chi tiết: Tư vấn khảo sát, thiết kế, lập dự toán và dự án đầu tư, thẩm định dự án đầu tư, thẩm định thiết kế kỹ thuật – dự toán, giám sát thi công công trình trồng, chăm sóc, khai thác cây cao su);
- Sản xuất phân bón và hợp chất ni tơ (Chi tiết: Sản xuất chế biến phân bón hữu cơ sinh học);
- Sản xuất thức ăn gia súc, gia cầm và thủy sản (Chi tiết: Sản xuất chế biến thức ăn chăn nuôi, lương thực);
- Cưa, xẻ, bào gỗ và bảo quản gỗ (Chi tiết: Cưa xẻ và chế biến gỗ cao su, gỗ thông và cây rừng trồng);
- Sản xuất và khai thác cây cao su, chế biến sản phẩm mủ cao su;

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Các thành viên Hội đồng Quản trị đã điều hành Công ty trong kỳ và đến ngày lập Báo cáo tài chính này gồm:

Ông Nguyễn Ngọc Sơn	Chủ tịch Hội đồng Quản trị
Ông Lê Thanh Hùng	Thành viên
Ông Nguyễn Mậu Hào	Thành viên
Bà Hoàng Thị Phương	Thành viên
Ông Trần Công Văn	Thành viên

BAN GIÁM ĐỐC

Các thành viên Ban Giám đốc đã điều hành Công ty trong kỳ và đến ngày lập Báo cáo tài chính này gồm:

Ông Lê Thanh Hùng	Giám đốc
Ông Trần Công Văn	Phó Giám đốc
Ông Nguyễn Mậu Hào	Phó Giám đốc

BAN KIỂM SOÁT

Ông Lê Hồng Sơn	Trưởng ban kiểm soát
Bà Nguyễn Thị Liên	Thành viên
Bà Võ Thị Thắm	Thành viên

BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ (TIẾP THEO)

KẾ TOÁN TRƯỞNG

Bà Hoàng Thị Phương

Kế toán trưởng

KIỂM TOÁN VIÊN

Báo cáo tài chính kèm theo được kiểm toán bởi Công ty TNHH Tư vấn và Kiểm toán Quốc tế.

TRÁCH NHIỆM CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Hội đồng Quản trị Công ty có trách nhiệm lập Báo cáo tài chính hàng năm phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm. Trong việc lập Báo cáo tài chính này, Hội đồng Quản trị được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các phán đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong Báo cáo tài chính hay không; và
- Lập Báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh.

Hội đồng Quản trị xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập Báo cáo tài chính.

Hội đồng Quản trị Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng sổ sách kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính của Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính tuân thủ các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Hệ thống kế toán Việt Nam và các quy định hiện hành khác về kế toán tại Việt Nam. Hội đồng Quản trị cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Công ty và vì vậy thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

Thay mặt và đại diện cho Hội đồng Quản trị,



Nguyễn Ngọc Sơn

Chủ tịch Hội đồng Quản trị

Quảng Bình, ngày 24 tháng 03 năm 2020

Số.0805/2020/TC-AC

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP
Về Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2019
của Công ty Cổ phần Lệ Ninh

Kính gửi: **Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc**
CÔNG TY CỔ PHẦN LỆ NINH

Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán Báo cáo tài chính của Công ty Cổ phần Lệ Ninh, được trình bày từ trang 6 đến trang 24 kèm theo, bao gồm Bảng Cân đối kế toán tại ngày 31/12/2019, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo Lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và bản Thuyết minh báo cáo tài chính.

Trách nhiệm của Hội đồng Quản trị

Hội đồng Quản trị Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực, hợp lý báo cáo tài chính của Công ty theo Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán (doanh nghiệp) Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Hội đồng Quản trị xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Hội đồng Quản trị cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán ngoại trừ của chúng tôi.

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP (TIẾP THEO)
Về Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2019
của Công ty Cổ phần Lệ Ninh

Cơ sở của ý kiến kiểm toán ngoại trừ

Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2018 đã được kiểm toán, tuy nhiên còn chứa đựng ý kiến kiểm toán ngoại trừ. Chúng tôi đã thực hiện các thủ tục kiểm toán để đánh giá ảnh hưởng của chúng đến các chỉ tiêu trên Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2019 nhưng vẫn không thể thu thập được đầy đủ bằng chứng thích hợp. Do đó, chúng tôi không thể đưa ra ý kiến về ảnh hưởng của chúng đến các chỉ tiêu trình bày trên báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2019 của Công ty.

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, ngoại trừ ảnh hưởng của các vấn đề nêu tại đoạn “Cơ sở của ý kiến kiểm toán ngoại trừ”, báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Lệ Ninh tại ngày 31/12/2019, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh, tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán (doanh nghiệp) Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Vấn đề khác

Theo quyết định số 418/QĐ-SGDHN ngày 27/6/2019 của Sở giao dịch chứng khoán Hà Nội, Công ty được chấp thuận giao dịch cổ phiếu tại Sở giao dịch chứng khoán Hà Nội với Mã chứng khoán LNC, giá trị chứng khoán đăng ký giao dịch là 82.300.670.000 đồng. Ý kiến kiểm toán ngoại trừ của chúng tôi không liên quan đến vấn đề này.



Nguyễn Bá An

Giám đốc

Giấy CN ĐKHN kiểm toán số 1645-2018-202-1

Thay mặt và đại diện cho

CÔNG TY TNHH TƯ VẤN VÀ KIỂM TOÁN QUỐC TẾ (AC)

Hà Nội, ngày 24 tháng 03 năm 2020

Đinh Xuân Thịnh

Kiểm toán viên

Giấy CN ĐKHN kiểm toán số 2577-2018-202-1

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN
 Tại ngày 31/12/2019

MẪU B 01-DN
 ĐVT: VND

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	31/12/2019	01/01/2019
A - TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		14.531.006.494	20.563.530.386
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110		2.052.362.041	4.805.187.183
1. Tiền	111	V.1	529.922.241	1.333.525.683
2. Các khoản tương đương tiền	112		1.522.439.800	3.471.661.500
II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	120		-	-
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		5.835.465.163	9.082.422.936
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	V.2a	4.501.462.203	3.481.433.527
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132		-	4.598.477.960
6. Phải thu ngắn hạn khác	136	V.3a	1.458.387.171	1.105.605.958
7. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi (*)	137		(124.384.211)	(103.094.509)
IV. Hàng tồn kho	140	V.4	6.643.179.290	6.675.920.267
1. Hàng tồn kho	141		6.643.179.290	6.675.920.267
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		-	-
B - TÀI SẢN DÀI HẠN	200		213.690.423.356	181.238.409.837
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		541.837.300	191.289.351
5. Phải thu về cho vay dài hạn	215		541.837.300	191.289.351
II. Tài sản cố định	220		52.942.997.062	44.118.689.824
1. Tài sản cố định hữu hình	221	V.5	52.448.957.251	43.604.065.021
- Nguyên giá	222		120.345.814.121	112.867.113.380
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(67.896.856.870)	(69.263.048.359)
3. Tài sản cố định vô hình	227	V.6	494.039.811	514.624.803
- Nguyên giá	228		983.481.771	983.481.771
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(489.441.960)	(468.856.968)
IV. Tài sản dở dang dài hạn	240	V.7	159.278.593.361	136.178.968.180
2. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242		159.278.593.361	136.178.968.180
V. Đầu tư tài chính dài hạn	250		-	-
VI. Tài sản dài hạn khác	260		926.995.633	749.462.482
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	V.8	926.995.633	749.462.482
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		228.221.429.850	201.801.940.223

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (TIẾP THEO)
 Tại ngày 31/12/2019

MẪU B 01-DN
 ĐVT: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	31/12/2019	01/01/2019
C - NỢ PHẢI TRẢ	300		143.695.792.766	116.169.418.927
I. Nợ ngắn hạn	310		48.530.429.866	36.136.926.927
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	V.9a	10.074.739.527	8.053.465.704
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312		2.551.838.500	189.168.278
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	V.10a	956.312.125	417.704.376
4. Phải trả người lao động	314		2.966.957.191	5.715.401.039
9. Phải trả ngắn hạn khác	319	V.11a	3.837.740.068	3.707.200.657
10. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	V.12a	27.955.077.642	17.847.257.628
12. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		187.764.813	206.729.245
II. Nợ dài hạn	330		95.165.362.900	80.032.492.000
7. Phải trả dài hạn khác	337	V.12b	13.100.000	8.100.000
8. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	V.11b	95.152.262.900	80.024.392.000
D - VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		84.525.637.084	85.632.521.296
I. Vốn chủ sở hữu	410	V.13	83.434.728.953	83.651.040.137
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		82.300.670.000	82.300.670.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		82.300.670.000	82.300.670.000
8. Quỹ đầu tư phát triển	418		108.000.000	42.680.000
11. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		1.026.058.953	1.307.690.137
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước	421a		1.307.690.137	-
- LNST chưa phân phối kỳ này	421b		(281.631.184)	1.307.690.137
II. Nguồn kinh phí và quỹ khác	430		1.090.908.131	1.981.481.159
1. Nguồn kinh phí	431		-	768.032.700
2. Nguồn kinh phí đã hình thành TSCĐ	432		1.090.908.131	1.213.448.459
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		228.221.429.850	201.801.940.223



Nguyễn Ngọc Sơn
 Chủ tịch Hội đồng Quản trị
 Quảng Bình, ngày 24 tháng 03 năm 2020

Hoàng Thị Phương
 Kế toán trưởng

Nguyễn Thị Liên
 Người lập

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH
 Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2019

MẪU B 02-DN
 ĐVT: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm 2019	Năm 2018
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	1	VI.1a	90.837.252.236	45.447.239.436
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	2		-	-
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10= 01-02)	10		90.837.252.236	45.447.239.436
4. Giá vốn hàng bán	11	VI.2	78.318.162.233	42.432.594.175
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20=10 - 11)	20		12.519.090.003	3.014.645.261
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.3	142.510.731	295.935.743
7. Chi phí tài chính	22	VI.4	1.762.268.976	945.694.924
- Trong đó: Chi phí lãi vay	23		1.762.268.976	945.694.924
8. Chi phí bán hàng	25		6.745.856.192	395.051.844
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26		3.940.076.724	4.373.331.457
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh {30 = 20 + (21 - 22) - (25 + 26)}	30		213.398.842	(2.403.497.221)
11. Thu nhập khác	31	VI.5	1.177.808.553	6.477.654.426
12. Chi phí khác	32	VI.6	103.620.555	2.407.221.479
13. Lợi nhuận khác (40 = 31 - 32)	40		1.074.187.998	4.070.432.947
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50 = 30 + 40)	50		1.287.586.840	1.666.935.726
15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	VI.7	261.527.887	359.245.589
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60=50 - 51 - 52)	60		1.026.058.953	1.307.690.137
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu (*)	70		125	159
19. Lãi suy giảm trên cổ phiếu (*)	71		125	159



Nguyễn Ngọc Sơn
 Chủ tịch Hội đồng Quản trị
 Quảng Bình, ngày 24 tháng 03 năm 2020

Hoàng Thị Phương
 Kế toán trưởng

Nguyễn Thị Liên
 Người lập

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ
(Theo phương pháp trực tiếp)
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2019

MẪU B 03-DN
ĐVT: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm 2019	Năm 2018
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh				
1. Tiền thu từ bán hàng, cung cấp dịch vụ và doanh thu khác	1		88.823.090.146	40.222.468.396
2. Tiền chi trả cho người cung cấp hàng hóa và dịch vụ	2		(72.270.165.289)	(29.587.527.453)
3. Tiền chi trả cho người lao động	3		(24.209.641.900)	(22.165.294.091)
4. Tiền lãi vay đã trả	4		(1.762.268.976)	(945.694.924)
5. Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	5		(160.018.506)	(414.796.777)
6. Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	6		7.733.909.581	14.345.570.225
7. Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	7		(17.105.371.004)	(12.839.638.524)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		(18.950.465.948)	(11.384.913.148)
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21		(9.335.538.827)	(5.135.706.226)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	22		533.143.837	-
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23		(411.137.000)	(153.110.602)
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24		90.098.651	152.999.549
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		142.510.731	295.935.743
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		(8.980.922.608)	(4.839.881.536)
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính				
3. Tiền thu từ đi vay	33		50.819.661.785	34.933.062.605
4. Tiền trả nợ gốc vay	34		(25.583.970.871)	(18.651.801.630)
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		(57.127.500)	-
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		25.178.563.414	16.281.260.975
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ	50		(2.752.825.142)	56.466.291
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60		4.805.187.183	4.748.720.892
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		-	-
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ	70		2.052.362.041	4.805.187.183



Nguyễn Ngọc Sơn
Chủ tịch Hội đồng Quản trị
Quảng Bình, ngày 24 tháng 03 năm 2020

Hoàng Thị Phương
Kế toán trưởng

Nguyễn Thị Liên
Người lập

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

MẪU B 09-DN

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo

I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP

Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Lệ Ninh tiền thân là doanh nghiệp Nhà nước sở hữu 100% vốn được chuyển đổi thành công ty cổ phần theo Quyết định 3778/QĐ-UBND ngày 28/12/2015 của Ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Bình. Công ty chính thức hoạt động dưới hình thức công ty cổ phần theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp thay đổi lần 9 số 3100114609 ngày 01/10/2017 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Quảng Bình cấp, đăng ký thay đổi lần thứ 10 ngày 5/6/2019.

Trụ sở chính: Tổ dân phố 2C, thị trấn Lệ Ninh, huyện Lệ Thủy, tỉnh Quảng Bình.

Các đơn vị hạch toán phụ thuộc:

- Nhà máy sản xuất Dăm gỗ
- Nhà máy chế biến phân bón.

Lĩnh vực và ngành nghề kinh doanh

- Trồng cây cao su (Chi tiết: Tư vấn khảo sát, thiết kế, lập dự toán và dự án đầu tư, thẩm định dự án đầu tư, thẩm định thiết kế kỹ thuật – dự toán, giám sát thi công công trình trồng, chăm sóc, khai thác cây cao su);
- Khách sạn;
- Bán buôn xăng dầu và các sản phẩm liên quan (Chi tiết: Kinh doanh xăng dầu);
- Sản xuất phân bón và hợp chất ni tơ (Chi tiết: Sản xuất chế biến phân bón hữu cơ sinh học);
- Sản xuất thức ăn gia súc, gia cầm và thủy sản (Chi tiết: Sản xuất chế biến thức ăn chăn nuôi, lương thực);
- Cửa, xe, bào gỗ và bảo quản gỗ (Chi tiết: Cửa xe và chế biến gỗ cao su, gỗ thông và cây rừng trồng);
- Sản xuất và khai thác cây cao su, chế biến sản phẩm mủ cao su;
- Sản xuất và tiêu thụ nước lọc tinh khiết, nước đá sạch;
- Cho thuê phòng làm việc, nhà nghỉ;
- Chế biến thịt gia súc đông lạnh và dịch vụ vận tải;
- Khai thác và kinh doanh các loại vật liệu xây dựng;
- Mua bán các mặt hàng nông sản, công nghệ phẩm.

II. KỶ KẾ TOÁN, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

Kỳ kế toán

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12.

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Báo cáo tài chính này sử dụng đơn vị tiền tệ Việt Nam Đồng (VND).

III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng chế độ kế toán doanh nghiệp ban hành theo Thông tư 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính và Thông tư 53/2016/TT-BTC của Bộ Tài Chính ngày 21/03/2016 sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014.

Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Báo cáo tài chính kèm theo được trình bày theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Hệ thống kế toán Việt Nam và các quy định hiện hành khác về kế toán tại Việt Nam. Công ty đã tuân thủ các Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán hiện hành trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính này.

IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

Sau đây là các chính sách kế toán chủ yếu được Công ty áp dụng trong việc lập Báo cáo tài chính:

Ước tính kế toán

Việc lập Báo cáo tài chính tuân thủ theo các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Hệ thống kế toán Việt Nam và các quy định hiện hành khác về kế toán tại Việt Nam yêu cầu Hội đồng Quản trị phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập Báo cáo tài chính cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt năm tài chính (kỳ hoạt động). Kết quả hoạt động kinh doanh thực tế có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

Nguyên tắc ghi nhận các khoản tiền và tương đương tiền

Tiền mặt và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, các khoản tiền gửi không kỳ hạn, các khoản đầu tư ngắn hạn, có khả năng thanh khoản cao, dễ dàng chuyển đổi thành tiền và ít rủi ro liên quan đến việc biến động giá trị.

Các khoản phải thu và dự phòng nợ khó đòi

Các khoản phải thu bao gồm phải thu từ khách hàng và các khoản phải thu khác được trình bày trên báo cáo tài chính theo giá trị ghi sổ và dự phòng phải thu khó đòi.

Việc phân loại các khoản phải thu là phải thu khách hàng và phải thu khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải thu của khách hàng phản ánh các khoản phải thu mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch có tính chất mua – bán giữa Công ty và người mua là đơn vị độc lập với Công ty, bao gồm cả các khoản phải thu về tiền bán hàng xuất khẩu ủy thác cho đơn vị khác.
- Phải thu khác phản ánh các khoản phải thu không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua-bán.

Dự phòng phải thu khó đòi được trích lập cho những khoản phải thu đã quá hạn thanh toán từ ba tháng trở lên, hoặc các khoản thu mà người nợ khó có khả năng thanh toán do bị thanh lý, phá sản hay các khó khăn tương tự, cụ thể:

- Đối với nợ phải thu quá hạn thanh toán:
 - 30% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ trên 6 tháng đến dưới 1 năm.
 - 50% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 1 năm đến dưới 2 năm.
 - 70% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 2 năm đến dưới 3 năm.
 - 100% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 3 năm trở lên.
- Đối với nợ phải thu chưa quá hạn thanh toán nhưng khó có khả năng thu hồi: căn cứ vào dự kiến mức tổn thất để lập dự phòng.

Nguyên tắc kế toán hàng tồn kho

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí lao động trực tiếp và chi phí sản xuất chung, nếu có, để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá gốc của hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền. Giá trị thuần có thể thực

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

MẪU B 09-DN

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo

hiện được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí để hoàn thành cùng chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho của Công ty được trích lập theo các quy định kế toán hiện hành. Theo đó, Công ty được phép trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho lỗi thời, hỏng, kém phẩm chất trong trường hợp giá gốc của hàng tồn kho cao hơn giá trị thuần có thể thực hiện được tại thời điểm kết thúc niên độ kế toán.

Nguyên tắc kế toán tài sản cố định hữu hình và khấu hao

Tài sản cố định hữu hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí khác liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình do tự làm, tự xây dựng bao gồm chi phí xây dựng, chi phí sản xuất thực tế phát sinh cộng chi phí lắp đặt và chạy thử.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính, cụ thể như sau:

	<u>Năm 2019</u>
Nhà cửa, vật kiến trúc	5 – 25 năm
Máy móc, thiết bị	5 – 10 năm
Phương tiện vận tải, truyền dẫn	6 – 10 năm
Thiết bị, dụng cụ quản lý	3 – 10 năm
Vườn cây lâu năm, súc vật làm việc	4 – 15 năm

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang phản ánh các chi phí liên quan trực tiếp (bao gồm cả chi phí lãi vay có liên quan phù hợp với chính sách kế toán của Công ty đến các tài sản đang trong quá trình xây dựng, máy móc thiết bị đang lắp đặt để phục vụ cho mục đích sản xuất, cho thuê và quản lý cũng như chi phí liên quan đến việc sửa chữa tài sản cố định đang thực hiện. Các tài sản này được ghi nhận theo giá gốc và không được tính khấu hao. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang của Công ty là toàn bộ chi phí phát sinh trong việc trồng mới các vườn cao su chưa đủ điều kiện đưa vào khai thác.

Các khoản chi phí trả trước

Các chi phí trả trước chỉ liên quan đến chi phí sản xuất kinh doanh của một năm tài chính hoặc một chu kỳ kinh doanh được ghi nhận là chi phí trả trước ngắn hạn.

Các chi phí đã phát sinh trong năm tài chính nhưng liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều niên độ kế toán được hạch toán vào chi phí trả trước dài hạn để phân bổ dần vào kết quả hoạt động kinh doanh trong các niên độ kế toán sau.

Việc tính và phân bổ chi phí trả trước dài hạn vào chi phí sản xuất kinh doanh từng kỳ hạch toán được căn cứ vào tính chất, mức độ từng loại chi phí để chọn phương pháp và tiêu thức phân bổ hợp lý. Chi phí trả trước được phân bổ dần vào chi phí sản xuất kinh doanh theo phương pháp đường thẳng.

Các khoản phải trả và chi phí phải trả

Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được. Chi phí phải trả được ghi nhận dựa trên các ước tính hợp lý về số tiền phải trả.

Việc phân loại các khoản phải trả là phải trả người bán, chi phí phải trả, phải trả nội bộ và phải trả khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải trả người bán phản ánh các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ, tài sản và người bán là đơn vị độc lập với Công ty, bao gồm cả các khoản phải trả khi nhập khẩu thông qua người nhận ủy thác.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

MẪU B 09-DN

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo

- Chi phí phải trả phản ánh các khoản phải trả cho hàng hóa, dịch vụ đã nhận được từ người bán hoặc đã cung cấp cho người mua nhưng chưa chi trả do chưa có hóa đơn hoặc chưa đủ hồ sơ, tài liệu kế toán và các khoản phải trả cho người lao động về tiền lương nghỉ phép, các khoản chi phí sản xuất, kinh doanh phải trích trước.
- Phải trả khác phản ánh các khoản phải trả không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua, bán, cung cấp hàng hóa dịch vụ.

Nguyên tắc ghi nhận doanh thu

Doanh thu bán hàng hóa, thành phẩm được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Công ty đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua.
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa.
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn. Khi hợp đồng qui định người mua được quyền trả lại sản phẩm, hàng hoá, đã mua theo những điều kiện cụ thể, doanh thu chỉ được ghi nhận khi những điều kiện cụ thể đó không còn tồn tại và người mua không được quyền trả lại sản phẩm, hàng hoá (trừ trường hợp khách hàng có quyền trả lại hàng hóa dưới hình thức đổi lại để lấy hàng hóa, dịch vụ khác).
- Công ty đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng.
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu của giao dịch cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp dịch vụ được thực hiện trong nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ được căn cứ vào kết quả phần công việc đã hoàn thành vào ngày kết thúc kỳ kế toán. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn tất cả các điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn. Khi hợp đồng qui định người mua được quyền trả lại dịch vụ đã mua theo những điều kiện cụ thể, doanh thu chỉ được ghi nhận khi những điều kiện cụ thể đó không còn tồn tại và người mua không được quyền trả lại dịch vụ đã cung cấp.
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó.
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào ngày kết thúc năm tài chính.
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Lãi tiền gửi, lãi cho vay được ghi nhận trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các tài khoản tiền gửi và lãi suất áp dụng.

Chi phí đi vay

Chi phí đi vay bao gồm lãi tiền vay và các chi phí khác phát sinh liên quan trực tiếp đến các khoản vay. Chi phí đi vay được hạch toán là chi phí hoạt động trong năm phát sinh, trừ trường hợp được vốn hóa.

Chi phí đi vay được vốn hóa khi khoản vay liên quan trực tiếp đến việc mua sắm, xây dựng hoặc hình thành một tài sản. Chi phí đi vay phát sinh sẽ được vốn hóa vào nguyên giá tài sản hình thành. Chi phí đi vay sẽ được tạm dừng vốn hóa khi quá trình đầu tư, xây dựng tài sản bị gián đoạn không cần thiết. Việc vốn hóa sẽ chấm dứt khi các hoạt động chủ yếu cần thiết cho việc đưa tài sản vào sử dụng hoặc bán đã hoàn thành.

Thuế

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp bao gồm thuế thu nhập DN hiện hành và thuế thu nhập DN hoãn lại.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

MẪU B 09-DN

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo

Thuế thu nhập hiện hành

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế được tính dựa trên thu nhập tính thuế. Thu nhập tính thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch tạm thời giữa thuế và kế toán, các chi phí không được trừ cũng như điều chỉnh các khoản thu nhập không phải chịu thuế và các khoản lỗ được chuyển.

Thuế thu nhập hoãn lại

Thuế thu nhập hoãn lại là khoản thuế thu nhập doanh nghiệp sẽ phải nộp hoặc sẽ được hoàn lại do chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ của tài sản và nợ phải trả cho mục đích lập Báo cáo tài chính và cơ sở tính thuế thu nhập. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ này.

Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại được xem xét lại vào ngày kết thúc năm tài chính và sẽ được ghi giảm đến mức đảm bảo chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế cho phép lợi ích của một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế thu nhập hoãn lại được sử dụng. Các tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại chưa được ghi nhận trước đây được xem xét lại vào ngày kết thúc năm tài chính và được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế để có thể sử dụng các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa ghi nhận này.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán dựa trên các mức thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc năm tài chính. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và chỉ ghi trực tiếp vào vốn chủ sở hữu khi khoản thuế đó liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi:

- Công ty có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp; và
- Các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả này liên quan đến thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế:
 - + Đối với cùng một đơn vị chịu thuế; hoặc
 - + Công ty dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải trả và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần hoặc thu hồi tài sản đồng thời với việc thanh toán nợ phải trả trong từng kỳ tương lai khi các khoản trọng yếu của thuế thu nhập hoãn lại phải trả hoặc tài sản thuế thu nhập hoãn lại được thanh toán hoặc thu hồi.

Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

1. Tiền

	<u>31/12/2019</u>	<u>01/01/2019</u>
Tiền mặt	219.535.380	273.922.506
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	310.386.861	1.059.603.177
Cộng	<u>529.922.241</u>	<u>1.333.525.683</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN LỆ NINHTổ dân phố 2C, thị trấn Lệ Ninh,
Huyện Lệ Thủy, tỉnh Quảng Bình**BÁO CÁO TÀI CHÍNH**Cho năm tài chính
kết thúc tại ngày 31/12/2019**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)****MẪU B 09-DN**

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo

2. Phải thu khách hàng

	31/12/2019	01/01/2019
a. Phải thu của khách hàng ngắn hạn	4.501.462.203	3.481.433.527
- Công ty TNHH thương mại và dịch vụ chế biến gỗ Nhật Quang	1.003.795.884	1.091.262.577
- Doanh nghiệp cao su Thanh Long	313.750.000	313.750.000
- Nhà máy chế biến gỗ xuất khẩu Phú Quý	92.773.440	92.773.440
- Công ty sản xuất nguyên liệu giấy Việt Nhật	2.947.093.654	905.475.001
- Các khoản phải thu khách hàng khác	144.049.225	1.078.172.509
b. Các khoản phải thu khách hàng dài hạn	-	-
Cộng	4.501.462.203	3.481.433.527

3. Phải thu khác

	31/12/2019		01/01/2019	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
a. Ngắn hạn	1.458.387.171	-	1.105.605.958	-
- Phải thu tạm ứng người lao động	48.225.368	-	160.798.500	-
- Ký cược, ký quỹ	6.060.010	-	6.060.010	-
- Phải thu khác	1.404.101.793	-	938.747.448	-
b. Dài hạn	-	-	-	-
Cộng	1.458.387.171	-	1.105.605.958	-

4. Hàng tồn kho

	31/12/2019		01/01/2019	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Nguyên liệu, vật liệu	637.256.313	-	627.838.333	-
Công cụ, dụng cụ	423.572.861	-	548.324.210	-
Chi phí sản xuất KD dở dang	-	-	151.623.138	-
Thành phẩm	5.582.350.116	-	5.348.134.586	-
Cộng	6.643.179.290	-	6.675.920.267	-

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo

MẪU B 09-DN

5. Tài sản cố định hữu hình

Khoản mục	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc, thiết bị	Phương tiện vận tải	Thiết bị dụng cụ quản lý	Vườn cây lâu năm	TSCĐ hữu hình khác	Tổng cộng
NGUYÊN GIÁ							
Tại ngày 01/01/2019	46.929.534.141	14.973.995.796	3.764.674.508	529.154.545	46.533.803.590	135.950.800	112.867.113.380
- Mua trong năm	-	1.484.931.309	-	383.000.000	-	-	1.867.931.309
- Đầu tư XD/CB hoàn thành	4.757.745.125	4.878.408.681	871.685.454	-	2.413.679.321	-	12.921.518.581
- Thanh lý, nhượng bán	(1.753.656.702)	(4.769.941.486)	(67.365.455)	-	(719.785.506)	-	(7.310.749.149)
Tại ngày 31/12/2019	49.933.622.564	16.567.394.300	4.568.994.507	912.154.545	48.227.697.405	135.950.800	120.345.814.121
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ							
Tại ngày 01/01/2019	27.036.076.609	9.397.434.167	2.819.863.990	460.441.789	29.413.281.010	135.950.800	69.263.048.365
- Khấu hao trong năm	2.366.295.532	1.225.792.780	293.517.308	54.547.272	1.346.702.501	-	5.286.855.393
- Thanh lý, nhượng bán	(1.538.302.111)	(4.638.777.308)	(52.208.237)	-	(423.759.226)	-	(6.653.046.882)
Tại ngày 31/12/2019	27.864.070.030	5.984.449.639	3.061.173.061	514.989.061	30.336.224.285	135.950.800	67.896.856.876
GIÁ TRỊ CÒN LẠI							
Tại ngày 01/01/2019	19.893.457.532	5.576.561.629	944.810.518	68.712.756	17.120.522.580	-	43.604.065.015
Tại ngày 31/12/2019	22.069.552.534	10.582.944.661	1.507.821.446	397.165.484	17.891.473.120	-	52.448.957.245

Tổng nguyên giá tài sản cố định hữu hình đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng tại ngày 31/12/2019 là 9.652.930.234 đồng.

CÔNG TY CỔ PHẦN LỆ NINH
Tổ dân phố 2C, thị trấn Lệ Ninh,
Huyện Lệ Thủy, tỉnh Quảng Bình

BÁO CÁO TÀI CHÍNH
Cho năm tài chính
kết thúc tại ngày 31/12/2019

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo

MẪU B 09-DN

6. Tài sản cố định vô hình

Khoản mục	Quyền sử dụng đất	Phần mềm máy vi tính	TSCĐ vô hình khác	Tổng cộng
NGUYỄN GIÁ				
Tại ngày 01/01/2019	689.597.236	167.520.900	126.363.635	983.481.771
Tại ngày 31/12/2019	689.597.236	167.520.900	126.363.635	983.481.771
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ				
Tại ngày 01/01/2019	174.972.433	167.520.900	126.363.635	468.856.968
- Khấu hao trong năm	20.584.992	-	-	20.584.992
Tại ngày 31/12/2019	195.557.425	167.520.900	126.363.635	489.441.960
GIÁ TRỊ CÒN LẠI				
Tại ngày 01/01/2019	514.624.803	-	-	514.624.803
Tại ngày 31/12/2019	494.039.811	-	-	494.039.811

Nguyên giá tài sản cố định vô hình đã hết khấu hao nhưng còn sử dụng đến 31/12/2019 là 293.884.535 đồng.

7. Tài sản dở dang dài hạn

Giá trị tài sản dở dang dài hạn tại ngày 31/12/2019 chủ yếu là chi phí xây dựng cơ bản dở dang của giá trị vườn cây cao su kiến thiết cơ bản (chiếm khoảng 97%). Vườn cây cao su kiến thiết cơ bản là các vườn cây cao su đang trong quá trình chăm sóc, chưa đủ điều kiện khai thác.

8. Chi phí trả trước dài hạn

Chi phí trả trước dài hạn tại ngày 31/12/2019 bao gồm giá trị công cụ, dụng cụ chờ phân bổ và chi phí trả trước dài hạn khác chờ phân bổ.

CÔNG TY CỔ PHẦN LỆ NINH
Tổ dân phố 2C, thị trấn Lệ Ninh,
Huyện Lệ Thủy, tỉnh Quảng Bình

BÁO CÁO TÀI CHÍNH
Cho năm tài chính
kết thúc tại ngày 31/12/2019

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo

MẪU B 09-DN

9. Phải trả người bán

	31/12/2019		01/01/2019	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
a. Các khoản phải trả người bán ngắn hạn	10.074.739.527	10.074.739.527	8.053.465.704	8.053.465.704
- Công ty cổ phần vật tư nông nghiệp Quảng Bình	2.584.794.260	2.584.794.260	2.810.697.700	2.810.697.700
- Doanh nghiệp tư nhân kinh doanh vàng Ngọc Phương	1.529.657.951	1.529.657.951	959.721.924	959.721.924
- Công ty TNHH MTV Quế Lâm Miền Trung	684.150.000	684.150.000	837.500.000	837.500.000
- Công ty TNHH Tân Hưng Lộc	1.028.031.940	1.028.031.940	724.787.048	724.787.048
- Trung tâm nghiên cứu phát triển cao su Tiểu Điền	672.520.000	672.520.000	342.946.000	342.946.000
- Công ty TNHH TM & DV Điền Lộc	637.809.480	637.809.480	104.667.640	104.667.640
- Các khoản phải trả khác	2.937.775.896	2.937.775.896	2.273.145.392	2.273.145.392
b. Các khoản phải trả người bán dài hạn	-	-	-	-
Cộng	10.074.739.527	10.074.739.527	8.053.465.704	8.053.465.704

10. Thuế và các khoản phải thu, phải nộp Nhà nước

	01/01/2019		31/12/2019	
	Phải nộp/thu trong năm	Phải nộp/thu trong năm	Đã thực nộp/thu trong năm	31/12/2019
Phải nộp	417.704.376	6.266.443.596	5.727.835.847	956.312.125
Thuế GTGT	214.390.129	5.680.280.844	5.229.397.541	665.273.432
Thuế Thu nhập doanh nghiệp	153.357.222	261.527.887	160.018.506	254.866.603
Thuế Thu nhập cá nhân	48.867.025	78.533.330	92.318.265	35.082.090
Thuế nhà đất, tiền thuê đất	-	210.895.160	210.895.160	-
Thuế tài nguyên	1.090.000	26.493.875	26.493.875	1.090.000
Thuế khác	-	8.712.500	8.712.500	-
Cộng	417.704.376	6.266.443.596	5.727.835.847	956.312.125

Quyết toán thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các quy định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính có thể bị thay đổi theo quyết định của cơ quan thuế.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

MẪU B 09-DN

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo

11. Phải trả khác

	31/12/2019	01/01/2019
a. Ngắn hạn	3.837.740.068	3.707.200.657
- Kinh phí công đoàn	173.342.252	223.174.562
- Bảo hiểm y tế	84.769.428	-
- Phải trả tài sản chờ thanh lý khi cổ phần hóa cho công ty mua bán nợ	1.501.498.992	1.501.498.992
- Nhận ký quỹ, ký cược ngắn hạn	48.000.000	198.000.000
- Các khoản phải trả khác	2.030.129.396	1.784.527.103
b. Dài hạn	13.100.000	8.100.000
- Nhận ký quỹ, ký cược dài hạn	13.100.000	8.100.000
c. Số nợ quá hạn chưa thanh toán	-	-

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo

MẪU B 09-DN

12. Vay và nợ thuê tài chính

	Trong năm			01/01/2019	
	Giá trị	Tăng	Giảm	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
a. Vay ngắn hạn	27.955.077.642	35.356.854.085	25.249.034.071	17.847.257.628	17.847.257.628
- Ngân hàng NN & PTNT Việt Nam - CN Quảng Bình (i)	27.955.077.642	35.356.854.085	25.249.034.071	17.847.257.628	17.847.257.628
b. Vay dài hạn	95.152.262.900	15.462.807.700	334.936.800	80.024.392.000	80.024.392.000
- Ngân hàng NN & PTNT Việt Nam - CN Quảng Bình (ii)	21.949.805.000	3.400.000.000	-	18.549.805.000	18.549.805.000
- Kho bạc Nhà nước tỉnh Quảng Bình	459.587.000	-	-	459.587.000	459.587.000
- Ngân hàng Phát triển Việt Nam - CN Quảng Bình (iii)	70.700.000.000	10.000.000.000	-	60.700.000.000	60.700.000.000
- Vay cá nhân (iv)	2.042.870.900	2.062.807.700	334.936.800	315.000.000	315.000.000
Cộng	123.107.340.542	50.819.661.785	25.583.970.871	97.871.649.628	97.871.649.628

(i) Đây là các khoản vay ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Việt Nam - Chi nhánh Quảng Bình theo hợp đồng cấp hạn mức tín dụng số 51/2019/HĐTD ngày 12/03/2019. Hợp đồng sửa đổi, bổ sung HĐTD số 51-1/2019/HĐSDBS ngày 27/6/2019 về việc sửa đổi, bổ sung hợp đồng tín dụng số 51/2019/HĐTD ngày 12/03/2019, chi tiết hợp đồng:

- Tổng mức cấp tín dụng: 30.000.000.000 đồng;
- Thời hạn hiệu lực của hạn mức cấp tín dụng: 12 tháng, kể từ ngày 12/03/2019 đến ngày 11/03/2020;
- Mục đích vay vốn: Thanh toán chi phí chăn nuôi, trồng trọt, chế biến, dịch vụ và chi phí khác phục vụ sản xuất kinh doanh theo kế hoạch kinh doanh.
- Lãi suất cho vay trong hạn tại thời điểm ký hợp đồng cấp tín dụng là 7%/năm; Lãi suất cho vay cụ thể của mỗi lần giải ngân do hai bên thỏa thuận và được ghi trên từng Giấy nhận nợ;

(ii) Khoản vay theo hợp đồng tín dụng số 518/2011/HĐTD ngày 22/12/2011: Hạn mức vay 4,2 tỷ đồng, thời hạn 60 tháng; Lãi suất theo từng lần nhận nợ.

Hợp đồng tín dụng số 99/2016/HĐTD ngày 01/09/2016 giữa Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam Chi nhánh tỉnh Quảng Bình và Công ty TNHH MTV Lệ Ninh - Quảng Bình, Hợp đồng sửa đổi bổ sung số 222-1/2018/HĐSDBS ngày 21/11/2018 về việc sửa đổi, bổ sung hợp đồng tín dụng số 99/2016/HĐTD ngày 01/09/2016, theo đó:

- Số tiền cho vay tối đa: 22.000.000.000 đồng (Hai mươi hai tỷ đồng chẵn);

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo

- Mục đích sử dụng tiền vay: Thanh toán các chi phí chăm sóc vườn cây cao su theo dự án Chăm sóc cao su kiến thiết cơ bản giai đoạn 2016 – 2020 của Công ty TNHH MTV Lệ Ninh – Quảng Bình;
 - Thời hạn cho vay: 120 tháng, kể từ ngày 01/09/2016 đến hết ngày 01/09/2026;
 - Trả nợ gốc : 6 tháng/ lần;
 - Lãi suất cho vay: Tại thời điểm ký hợp đồng sửa đổi bổ sung số 222-1/2018/HĐSDBS ngày 21/11/2018 là 9,5%/ năm. Lãi suất cho vay cụ thể của mỗi lần giải ngân do hai bên thỏa thuận và được ghi trên từng Giấy nhận nợ;
- (iii) Đây là số dư khoản gốc vay đã được giải ngân theo kế ước nhận nợ từ Ngân hàng Phát triển Việt Nam – Chi nhánh Quảng Bình dựa trên hợp đồng tín dụng đầu tư của Nhà nước số 05/2014/HĐTĐĐT-NHPT ngày 22/08/2014, theo đó:
- Tổng mức tín dụng được cấp: 81.602,79 triệu đồng;
 - Mục đích vay vốn: Tiền vay được sử dụng để thực hiện trồng mới và chăm sóc 450ha cao su của Dự án trồng mới và chăm sóc cao su kiến thiết cơ bản theo Quyết định phê duyệt điều chỉnh Dự án số 541/QĐ/CTLN ngày 28/04/2014 của Chủ tịch kiêm Giám đốc Công ty TNHH MTV Lệ Ninh – Quảng Bình.
 - Lãi suất vay cụ thể căn cứ theo kế ước nhận nợ từng lần;
 - Thời điểm bắt đầu trả lãi, trả nợ gốc: Trả nợ gốc sau 7 năm kể từ ngày ký kết hợp đồng này, lãi vay trả hàng tháng và được tính bắt đầu kể từ khi phát sinh dư nợ vay.
- (iv) Vay cá nhân là các khoản vay của Người lao động với thời hạn trên 1 năm, lãi suất được xác định trên cơ sở lãi suất cho vay của ngân hàng mà Công ty giao dịch.

13. Vốn chủ sở hữu

(a) Bảng đối chiếu vốn chủ sở hữu

Khoản mục	Vốn góp của Chủ sở hữu	Quỹ đầu tư phát triển	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Cộng
Tại ngày 01/01/2018	82.300.670.000	42.680.000	265.141.074	82.608.491.074
Lãi trong năm trước	-	-	1.307.690.137	1.307.690.137
Giảm khác	-	-	(265.141.074)	(265.141.074)
Tại ngày 01/01/2019	82.300.670.000	42.680.000	1.307.690.137	83.651.040.137
Lãi trong năm trước	-	-	1.026.058.953	1.026.058.953
Phân phối lợi nhuận	-	65.320.000	(1.307.690.137)	(1.242.370.137)
Tại ngày 31/12/2019	82.300.670.000	108.000.000	1.026.058.953	83.434.728.953

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

MẪU B 09-DN

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo

(b) Chi tiết vốn góp của chủ sở hữu tại ngày 31/12/2019

	31/12/2019
Vốn Nhà nước	74.683.670.000
Công đoàn Công ty	473.000.000
Cán bộ, công nhân viên	7.134.000.000
Cổ đông khác	10.000.000
Cộng	82.300.670.000

Cổ phiếu

	31/12/2019
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	8.230.067
Số lượng cổ phiếu đã phát hành/bán ra công chúng	8.230.067
- <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	8.230.067
Số lượng cổ phiếu được mua lại	-
- <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	8.230.067
- <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	8.230.067

Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành là 10.000 đồng/cổ phiếu.

VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

	Năm 2019	Năm 2018
a. Doanh thu	90.837.252.236	45.447.239.436
- Doanh thu bán thành phẩm	88.004.597.513	42.515.259.204
- Doanh thu hoạt động khác	2.832.654.723	2.931.980.232
b. Doanh thu đối với các bên liên quan	-	-

2. Giá vốn hàng bán

	Năm 2019	Năm 2018
Giá vốn thành phẩm đã bán	76.327.285.086	40.568.471.546
Giá vốn hoạt động khác	1.990.877.147	1.864.122.629
Cộng	78.318.162.233	42.432.594.175

3. Doanh thu hoạt động tài chính

	Năm 2019	Năm 2018
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	142.510.731	295.935.743
Cộng	142.510.731	295.935.743

4. Chi phí tài chính

	Năm 2019	Năm 2018
Lãi tiền vay	1.762.268.976	945.694.924
Cộng	1.762.268.976	945.694.924

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

MẪU B 09-DN

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo

5. Thu nhập khác

	Năm 2019	Năm 2018
Thanh lý, nhượng bán Tài sản cố định	225.496.474	-
- Thu thanh lý tài sản cố định	1.195.352.692	-
- Chi phí thanh lý tài sản cố định	969.856.218	-
Thu nhập từ được thưởng, bồi thường	613.535.000	6.168.485.910
Các khoản thu nhập khác	338.777.079	309.168.516
Cộng	1.177.808.553	6.477.654.426

6. Chi phí khác

	Năm 2019	Năm 2018
Thanh lý, nhượng bán Tài sản cố định	-	2.173.499.455
- Thu thanh lý tài sản cố định	-	2.825.852.433
- Chi phí thanh lý tài sản cố định	-	4.999.351.888
Các khoản chi phí khác	103.620.555	233.722.024
Cộng	103.620.555	2.407.221.479

7. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành

	Năm 2019
- Lợi nhuận kế toán trước thuế	1.287.586.840
- Chi phí không được trừ	20.052.595
- Thu nhập tính thuế	1.307.639.435
- Thuế suất thuế TNDN	20%
- Tổng chi phí thuế TNDN hiện hành	261.527.887

8. Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố

	Năm 2019	Năm 2018
Chi phí nguyên liệu, vật liệu, công cụ, dụng cụ	76.161.870.236	43.675.794.463
Chi phí nhân công	16.407.033.797	17.368.530.826
Chi phí khấu hao tài sản cố định	5.173.816.149	5.477.263.503
Chi phí bằng tiền khác	9.924.979.929	6.354.794.502
Cộng	107.667.700.111	72.876.383.294

VII. THÔNG TIN KHÁC

1. Số liệu so sánh

Số liệu so sánh được lấy từ Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2018 đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH Tư vấn và Kiểm toán Quốc tế.

2. Sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán

Không có sự kiện nào phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán và cho tới thời điểm lập Báo cáo tài chính này được cho là có ảnh hưởng trọng yếu tới Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2019.

3. Bên liên quan

Giao dịch với bên liên quan

Không có giao dịch với bên liên quan phát sinh trong năm.

CÔNG TY CỔ PHẦN LỆ NINH

Tổ dân phố 2C, thị trấn Lệ Ninh,
Huyện Lệ Thủy, tỉnh Quảng Bình

BÁO CÁO TÀI CHÍNH
Cho năm tài chính
kết thúc tại ngày 31/12/2019

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

MẪU B 09-DN

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo

Lương, thưởng và thu lao của Hội đồng Quản trị, Ban Giám đốc



Ban Giám đốc

Năm 2019

Năm 2018

1.377.400.400 đồng

1.688.540.300 đồng

Nguyễn Ngọc Sơn

Chủ tịch Hội đồng Quản trị

Quảng Bình, ngày 24 tháng 03 năm 2020

Hoàng Thị Phương

Kế toán trưởng

Nguyễn Thị Liên

Người lập



CÔNG TY CỔ PHẦN LỆ NINH
BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN
CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31/12/2019

MỤC LỤC

NỘI DUNG

TRANG

BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

2-3

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

4-5

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

6-7

BÁO CÁO KẾT QUẢ KINH DOANH

8

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

9

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

10-24